

令和 1 年 9 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	29.6 t	7.73	13.1 cm	20.9 °C	
放水量	30.0 t	7.90	50.0 cm	20.9 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	259 KWH	3,550 KWH	8.32 t	
日平均使用量	8.4 KWH	114.5 KWH	0.27 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	小計
月計	6台: 2.71t	18台: 32.97t	29台: 19.53t	12台: 31.92t	1台: 2.42t	66台: 89.55 t
前月累計	24台: 13.14t	120台: 219.45t	162台: 109.55t	58台: 155.62t	7台: 14.12t	371台: 511.88 t
年度計	30台: 15.85t	138台: 252.42t	191台: 129.08t	70台: 187.54t	8台: 16.54t	437台: 601.43 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.32 t	66台: 89.87 t
前月累計	1.16 t	371台: 513.04 t
年度計	1.48 t	437台: 602.91 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	4台	224 m ³
前月累計	106台	1,280 m ³
年度計	110台	1,504 m ³

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	4.71 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	101.68 t	74台
5	130.58 t	102台
6	85.67 t	62台
7	101.44 t	68台
8	93.67 t	65台
9	89.87 t	66台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	602.91 t	437台

薬品名	使用量
スケール分散剤	20.00 kg
凝集剤 パック	50.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.40 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	1.00 kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	2.00 m ³
脱水ケーキ量	0.32 t
脱水機運転時間	3:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2	晴	23 °C	23 °C	13 °C
3	晴	22 °C	23 °C	16 °C
4	晴	20 °C	24 °C	10 °C
5	晴	22 °C	26 °C	13 °C
6	曇/雨	24 °C	29 °C	17 °C
7		°C	°C	°C
8		°C	°C	°C
9	晴	27 °C	31 °C	19 °C
10	晴	25 °C	26 °C	19 °C
11	曇/雨	17 °C	20 °C	14 °C
12	晴	18 °C	21 °C	11 °C
13	晴	18 °C	21 °C	7 °C
14		°C	°C	°C
15		°C	°C	°C
16		°C	°C	°C
17	晴	20 °C	21 °C	12 °C
18	晴/曇	15 °C	22 °C	11 °C
19	雨	15 °C	18 °C	9 °C
20	晴	14 °C	17 °C	9 °C
21		°C	°C	°C
22		°C	°C	°C
23		°C	°C	°C
24	晴/曇	18 °C	20 °C	11 °C
25	晴	15 °C	16 °C	8 °C
26	晴	17 °C	20 °C	5 °C
27	晴	20 °C	22 °C	10 °C
28		°C	°C	°C
29		°C	°C	°C
30	晴	17 °C	23 °C	6 °C